NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2014/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định báo cáo thống kê và công khai, minh bạch thông tin về hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật Thống kê số 04/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 53/2013/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định báo cáo thống kê và công khai, minh bạch thông tin về hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc thu thập báo cáo thống kê (sau đây gọi tắt là báo cáo) từ Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty Quản lý tài sản) để đáp ứng việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

Đối với các báo cáo khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này, Công ty Quản lý tài sản thực hiện theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thông tư này quy định việc công khai, minh bạch thông tin về hoạt động của Công ty Quản lý tài sản.

Điều 2. Đơn vị báo cáo và công khai, minh bạch thông tin

Đơn vị báo cáo và thực hiện công khai, minh bạch thông tin là Công ty Quản lý tài sản.

Điều 3. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo là Vụ Dự báo, thống kê.

Điều 4. Báo cáo thống kê

1. Công ty Quản lý tài sản lập báo cáo thống kê theo các mẫu biểu báo cáo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này để gửi cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong trường hợp cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, các Vụ, Cục, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu Công ty Quản lý tài sản báo cáo theo các mẫu biểu báo cáo chưa được quy định tại Thông tư này. Quy trình xây dựng mẫu biểu báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

Điều 5. Phương thức báo cáo

1. Công ty Quản lý tài sản thực hiện các báo cáo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này bằng phương thức báo cáo điện tử.

Báo cáo điện tử là báo cáo thể hiện dưới dạng tệp (file) dữ liệu điện tử được truyền qua mạng máy tính hoặc gửi qua vật mang tin. Báo cáo điện tử phải có đầy đủ chữ ký điện tử của thủ trưởng hoặc người có thẩm quyền của Công ty Quản lý tài sản và theo đúng ký hiệu, mã truyền tin, cấu trúc file do Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản chưa thực hiện được báo cáo điện tử do nguyên nhân khách quan, Công ty Quản lý tài sản phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước.

Báo cáo bằng văn bản là báo cáo bằng giấy và phải theo đúng hình thức mẫu biểu quy định, có đầy đủ dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của Công ty Quản lý tài sản và chữ ký, họ tên của người lập, người kiểm soát báo cáo.

Điều 6. Nối mạng báo cáo điện tử

Công ty Quản lý tài sản nối mạng truyền tin với Cục Công nghệ tin học để gửi báo cáo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản chưa đủ điều kiện nối mạng truyền tin với Cục Công nghệ tin học, Công ty Quản lý tài sản thực hiện gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Yêu cầu về số liệu báo cáo

Các số liệu báo cáo thống kê phải đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan, chính xác. Khi có chỉnh sửa đối với số liệu đã báo cáo hoặc số liệu trong kỳ báo cáo có biến động khác thường, Công ty Quản lý tài sản phải giải trình bằng văn bản theo yêu cầu của Vụ Dự báo, thống kê.

Điều 8. Định kỳ và thời hạn gửi báo cáo

1. Kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo được xác định theo ngày làm việc và theo lịch dương.

2. Kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo được quy định cụ thể trên các mẫu biểu báo cáo tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

3. Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

Trường hợp báo cáo gửi bằng văn bản, ngày gửi báo cáo thực tế được tính là ngày ghi trên dấu của bưu điện nơi tiếp nhận báo cáo gửi đi. Trường hợp báo cáo gửi qua kênh báo cáo điện tử, ngày gửi báo cáo là ngày truyền file báo cáo thành công về Cục Công nghệ tin học.

Trường hợp khẩn cấp hoặc đột xuất, đơn vị phải gửi báo cáo bằng văn bản qua fax. Sau khi gửi báo cáo qua fax, Công ty Quản lý tài sản có trách nhiệm gửi báo cáo chính thức bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này. Ngày gửi báo cáo thực tế được tính là ngày fax báo cáo.

Điều 9. Quy trình tra soát báo cáo điện tử

1. Tại Cục Công nghệ tin học:

a) Ngay sau khi nhận báo cáo theo thời hạn gửi báo cáo quy định tại các mẫu biểu báo cáo ban hành kèm theo Thông tư này, Cục Công nghệ tin học kiểm tra tính đầy đủ của các báo cáo điện tử do Công ty Quản lý tài sản truyền qua mạng tin học. Nếu phát hiện do Công ty Quản lý tài sản không truyền hoặc truyền thiếu báo cáo, Cục Công nghệ tin học phải thông báo qua mạng tin học cho Công ty Quản lý tài sản để gửi đầy đủ báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước;

b) Ngay sau khi nhận được kết quả tra soát của Vụ Dự báo, thống kê, Cục Công nghệ tin học thông báo kịp thời qua mạng tin học cho Công ty Quản lý tài sản để xử lý, truyền lại số liệu đúng cho Cục Công nghệ tin học;

c) Ngay sau khi nhận được các báo cáo điện tử do Công ty Quản lý tài sản truyền lại cho Cục Công nghệ tin học, Cục Công nghệ tin học thông báo qua mạng tin học cho Vụ Dự báo, thống kê để kịp thời cập nhật số liệu.

2. Tại Vụ Dự báo, thống kê:

Trong 02 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn gửi báo cáo quy định tại các mẫu biểu báo cáo ban hành kèm theo Thông tư này, Vụ Dự báo, thống kê kiểm tra tính hợp lý của số liệu báo cáo. Nếu phát hiện sai sót, Vụ Dự báo, thống kê yêu cầu Công ty Quản lý tài sản chỉnh sửa số liệu thông qua việc gửi kết quả tra soát số liệu qua mạng tin học cho Cục Công nghệ tin học để thông báo cho Công ty Quản lý tài sản.

3. Tại Công ty Quản lý tài sản:

Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo tra soát điện tử của Cục Công nghệ tin học, Công ty Quản lý tài sản phải truyền lại đầy đủ, chính xác số liệu báo cáo cho Cục Công nghệ tin học để Vụ Dự báo, thống kê cập nhật.

Điều 10. Báo cáo không phát sinh

Trường hợp không phát sinh số liệu báo cáo trong kỳ báo cáo, Công ty Quản lý tài sản thực hiện gửi báo cáo không phát sinh cho Vụ Dự báo, thống kê theo hướng dẫn của Cục Công nghệ tin học.

Điều 11. Công khai, minh bạch hoạt động của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản phải thực hiện việc công khai các thông tin sau:

a) Các chính sách quản lý, quy định nội bộ về mua, bán, xử lý nợ xấu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

b) Các quy trình, phương pháp định giá nợ, tài sản các quy trình, phương pháp bán nợ, tài sản do Công ty Quản lý tài sản xây dựng;

c) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty Quản lý tài sản đã được kiểm toán;

d) Mua nợ xấu từ tổ chức tín dụng theo Biểu số 01-PL2/VAMC tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Bán nợ xấu và bán tài sản bảo đảm theo Biểu số 02-PL2/VAMC tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước.

2. Định kỳ và thời hạn công khai thông tin:

a) Đối với thông tin quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản thực hiện công khai theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2013/TT-NHNN;

b) Đối với thông tin quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản thực hiện công khai báo cáo tài chính năm chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm kế tiếp;

c) Đối với thông tin quy định tại điểm d, đ, e khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản phải công khai theo định kỳ hàng quý chậm nhất vào ngày 25 của tháng đầu của quý kế tiếp.

3. Phương thức công khai các thông tin:

Các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này được Công ty Quản lý tài sản thực hiện công bố theo hình thức được quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN TRONG VIỆC THỰC HIỆN BÁO CÁO THỐNG KÊ VÀ CÔNG KHAI, MINH BẠCH THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

Điều 12. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các Vụ, Cục, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm như sau:

1. Xây dựng các mẫu biểu báo cáo áp dụng đối với Công ty Quản lý tài sản để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

2. Khi có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới mẫu biểu báo cáo áp dụng đối với Công ty Quản lý tài sản, các Vụ, Cục, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng phải xây dựng các mẫu biểu báo cáo cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, thống nhất với đơn vị đầu mối là Vụ Dự báo, thống kê và gửi Vụ Dự báo, thống kê tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

3. Phối hợp với Vụ Dự báo, thống kê hướng dẫn và trả lời kịp thời cho Công ty Quản lý tài sản về các vướng mắc liên quan đến trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Thông tư này.

4. Phối hợp với Vụ Dự báo, thống kê tra soát báo cáo của Công ty Quản lý tài sản; khi phát hiện báo cáo có sai sót, phải thông báo kịp thời cho Vụ Dự báo, thống kê để tổng hợp.

5. Tổ chức lưu giữ và quản lý các báo cáo thống kê bằng văn bản do đơn vị mình nhận theo các quy định hiện hành về quản lý lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong ngành ngân hàng.

Điều 13. Trách nhiệm của Vụ Dự báo, thống kê

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 12 Thông tư này, Vụ Dự báo, thống kê có trách nhiệm:

1. Là đơn vị đầu mối tổng hợp và trình Thống đốc ban hành các mẫu biểu báo cáo sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

2. Là đơn vị đầu mối trong việc tiếp nhận các kiến nghị bằng văn bản về thực hiện Thông tư này, phối hợp với các đơn vị liên quan để trả lời cho đơn vị có ý kiến.

3. Tổng hợp và tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt quyền khai thác báo cáo đã kiểm duyệt cho các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

4. Theo dõi, đôn đốc Công ty Quản lý tài sản thực hiện gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này; khi nhận được phối hợp tra soát của các Vụ, Cục, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, phải kịp thời gửi

kết quả tra soát cho Công ty Quản lý tài sản chỉnh sửa và gửi lại số liệu đúng qua mạng tin học để các đơn vị liên quan cập nhật và khai thác báo cáo.

5. Phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý vi phạm của Công ty Quản lý tài sản trong việc chấp hành các quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của Cục Công nghệ tin học

1. Là đơn vị đầu mối tổ chức tiếp nhận các báo cáo điện tử, kiểm tra tên, cấu trúc file báo cáo do Công ty Quản lý tài sản truyền qua mạng hoặc gửi qua vật mang tin. Trường hợp báo cáo bị sai về tên, cấu trúc file, phải yêu cầu Công ty Quản lý tài sản chỉnh sửa và gửi lại theo đúng quy định; phản hồi kịp thời về tình trạng file dữ liệu cho Công ty Quản lý tài sản. Trường hợp xảy ra sự cố đường truyền dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước, phải thông báo kịp thời cho Công ty Quản lý tài sản và thực hiện ngay biện pháp để khắc phục sự cố.

2. Nối và duy trì mạng truyền tin cho các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; đảm bảo việc khai thác, sử dụng cho các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

3. Cung cấp, lập, cài đặt và hướng dẫn vận hành chương trình tin học báo cáo thống kê cho các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước để truyền, nhận, tổng hợp, khai thác, tra soát mẫu biểu báo cáo qua mạng máy tính.

4. Hướng dẫn việc cấp phát, quản lý mã khóa, chương trình ký điện tử dùng trong báo cáo thống kê cho Công ty Quản lý tài sản nối mạng truyền tin trực tiếp với Cục Công nghệ tin học.

5. Cập nhật kịp thời các báo cáo do Công ty Quản lý tài sản đã chỉnh sửa theo yêu cầu của Vụ Dự báo, thống kê trên cơ sở kết quả tra soát.

6. Trường hợp các đơn vị báo cáo thông báo đã truyền file dữ liệu báo cáo nhưng các đơn vị nhận báo cáo vẫn chưa nhận được các báo cáo qua mạng, sau khi nhận được phản ánh của các đơn vị, Cục Công nghệ tin học có trách nhiệm kiểm tra, xác minh việc truyền file dữ liệu báo cáo của đơn vị báo cáo và thông báo kết quả cho đơn vị nhận báo cáo để phối hợp xử lý kịp thời.

Điều 15. Trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản

1. Chấp hành đúng các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, của pháp luật về báo cáo thống kê và công khai, minh bạch các thông tin tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phải phản ánh kịp thời về Ngân hàng Nhà nước để được xử lý.

2. Giải trình và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo thống kê và các thông tin công bố.

3. Khi nhận được thông báo tra soát báo cáo hoặc phát hiện báo cáo đã gửi cho các Vụ, Cục, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có sai sót, Công ty Quản lý tài sản phải kịp thời chỉnh sửa và gửi lại báo cáo đúng cho đơn vị nhận báo cáo.

Điều 16. Khai thác báo cáo

1. Các Vụ, Cục, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng được phép khai thác các báo cáo thống kê do đơn vị mình chịu trách nhiệm xây dựng.

2. Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước khi có nhu cầu khai thác báo cáo thống kê do Vụ, Cục, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xây dựng mẫu biểu thì phải đăng ký bằng văn bản với Vụ Dự báo, thống kê để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

3. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được phép khai thác báo cáo thống kê chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng thông tin, số liệu thống kê đúng mục đích và theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Xử lý vi phạm

Công ty Quản lý tài sản, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, cá nhân vi phạm quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty Quản lý tài sản chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

Phụ lục 1
CÁC MẪU BIỂU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2014)

Tên mẫu biểu báo cáo	Ký hiệu biểu báo cáo và đơn vị nhận báo cáo	Kỳ báo cáo
1. Báo cáo mua nợ xấu thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt	Biểu số 01-PL1/DBTK	Tháng
2. Báo cáo mua nợ xấu theo giá trị thị trường	Biểu số 02-PL1/DBTK	Tháng
3. Báo cáo thu hồi nợ xấu	Biểu số 03-PL1/DBTK	Tháng
4. Báo cáo cơ cấu lại khoản nợ	Biểu số 04-PL1/DBTK	Tháng
5. Báo cáo hỗ trợ tài chính khách hàng vay	Biểu số 05-PL1/DBTK	Tháng
6. Báo cáo góp vốn điều lệ, mua cổ phần	Biểu số 06-PL1/DBTK	Tháng
7. Báo cáo thanh toán trái phiếu đặc biệt	Biểu số 07-PL1/DBTK	Tháng
8. Báo cáo trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường	Biểu số 08-PL1/DBTK	Tháng

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Biểu số 01-PL1/DBTK

BÁO CÁO MUA NỢ XẤU THANH TOÁN BẰNG TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT

(Tháng..... năm.....)

STT	Mã tổ chức bán khoản nợ	Hình thức khoản nợ	Loại hình khách hàng vay	Mã số thuế/ CMT hoặc Hộ chiếu	Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại TCTD			Dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ	Phí, lãi phải trả			Thời hạn của khoản nợ	Giá trị sổ sách của tài sản bảo đảm	Thông tin Trái phiếu đặc biệt			
					Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5		Tiền phí phải trả	Tiền lãi phải trả	Lãi suất áp dụng			Mã trái phiếu	Mệnh giá	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Mã tổ chức bán khoản nợ là mã tổ chức tín dụng tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.
- Cột (3): Hình thức khoản nợ TCTD bán cho VAMC, có giá trị:
    1: Cấp tín dụng
    2: Mua trái phiếu
    3: Ủy thác
- Cột (4): Loại hình khách hàng vay phân theo tổ chức hay cá nhân, có giá trị:
    TC: Tổ chức
    CN: Cá nhân
- Cột (5): Mã số thuế đối với tổ chức, Chứng minh thư/Hộ chiếu đối với cá nhân.
- Cột (6), (7), (8): Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại TCTD phân theo nhóm nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (9): Dự phòng cụ thể TCTD đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (10): Tiền phí phải trả của khoản nợ đến thời điểm bán nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (11): Tiền lãi phải trả của khoản nợ đến thời điểm bán nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (12): Lãi suất đang áp dụng của khoản nợ tại thời điểm bán nợ. Đơn vị tính: Phần trăm/năm (%/năm).
- Cột (13): Thời hạn của khoản nợ. Đơn vị tính: ngày.
- Cột (14): Giá trị sổ sách tài sản bảo đảm của khoản nợ (giá trị ghi trên hợp đồng cầm cố, thế chấp). Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (15): Mã trái phiếu đặc biệt.
- Cột (16): Mệnh giá trái phiếu đặc biệt, có giá trị = Cột (6) - Cột (9) hoặc Cột (7) - Cột (9) hoặc Cột (8) - Cột (9). Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (17): Ngày phát hành trái phiếu đặc biệt.
- Cột (18): Ngày đáo hạn trái phiếu đặc biệt.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Biểu số 02-PL1/DBTK

BÁO CÁO MUA NỢ XẤU THEO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG

(Tháng..... năm.....)

STT	Mã tổ chức bán khoản nợ	Hình thức khoản nợ	Loại hình khách hàng vay	Mã số thuế/ CMT hoặc Hộ chiếu	Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại TCTD			Dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ	Phí, lãi phải trả			Thời hạn của khoản nợ	Tài sản bảo đảm			Định giá giá trị thị trường của khoản nợ	Giá mua khoản nợ theo giá trị thị trường
													Giá trị sổ sách	Định giá lại			
					Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5		Tiền phí phải trả	Tiền lãi phải trả	Lãi suất áp dụng			Của TCTD	Của VAMC/ Tổ chức độc lập		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Mã tổ chức bán khoản nợ là mã tổ chức tín dụng tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.
- Cột (3): Hình thức khoản nợ TCTD bán cho VAMC, có giá trị:
    1: Cấp tín dụng
    2: Mua trái phiếu
    3: Ủy thác
- Cột (4): Loại hình khách hàng vay phân theo tổ chức hay cá nhân, có giá trị:
    TC: Tổ chức
    CN: Cá nhân
- Cột (5): Mã số thuế đối với tổ chức, Chứng minh thư/Hộ chiếu đối với cá nhân.
- Cột (6), (7), (8): Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại TCTD phân theo nhóm nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (9): Dự phòng cụ thể TCTD đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (10): Tiền phí phải trả của khoản nợ đến thời điểm bán nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (11): Tiền lãi phải trả của khoản nợ đến thời điểm bán nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (12): Lãi suất đang áp dụng của khoản nợ tại thời điểm bán nợ. Đơn vị tính: Phần trăm/năm (%/năm).
- Cột (13): Thời hạn của khoản nợ. Đơn vị tính: ngày.
- Cột (14): Giá trị sổ sách tài sản bảo đảm của khoản nợ (giá trị ghi trên hợp đồng cầm cố, thế chấp). Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (15): Giá trị định giá lại tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (16): Giá trị định giá lại tài sản bảo đảm của VAMC/tổ chức định giá độc lập. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (17): Định giá giá trị thị trường của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (18): Giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường. Đơn vị tính: Triệu đồng.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Biểu số 03-PL1/DBTK

BÁO CÁO THU HỒI NỢ XẤU

(Tháng..... năm.....)

STT	Tên khách hàng mua nợ	Loại hình khách hàng mua nợ	Mã số thuế/ CMT hoặc Hộ chiếu	Giá trị thu hồi nợ của khoản nợ	Hình thức thu hồi nợ	Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ tại VAMC	Thông tin về khoản nợ VAMC đã mua					
							Mua bằng trái phiếu đặc biệt		Giá mua khoản nợ theo giá trị thị trường	Mã tổ chức bán khoản nợ	Loại hình khách hàng vay	Mã số thuế/ CMT hoặc Hộ chiếu
							Mã trái phiếu	Mệnh giá				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Tên khách hàng mua nợ.
- Cột (3): Loại hình khách hàng mua nợ, cụ thể:

+ Trường hợp khách hàng mua nợ là TCTD: Mã TCTD tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.

+ Trường hợp khách hàng mua nợ không phải TCTD, có giá trị: TC: Tổ chức và CN: Cá nhân.

- Cột (4): Mã số thuế đối với tổ chức, Chứng minh thư/Hộ chiếu đối với cá nhân trong trường hợp khách hàng mua nợ không phải TCTD. Trường hợp khách hàng mua nợ là TCTD, không cần khai Cột này.
- Cột (5): Thống kê số dư khoản nợ VAMC bán hoặc thu hồi nợ đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.

Trường hợp chuyển một phần nợ thành vốn góp, vốn cổ phần, số dư khoản nợ VAMC thu hồi là số dư phần giá trị khoản nợ của khách hàng vay hạch toán ngoại bảng tại VAMC được VAMC chuyển thành vốn góp tính đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.

- Cột (6): Hình thức bán hoặc thu hồi khoản nợ, có giá trị:

1: Bán toàn bộ khoản nợ

2: Bán một phần khoản nợ

3: Bán tài sản bảo đảm thu hồi nợ

4: Nhận tài sản bảo đảm để thu hồi nợ

5: Khách hàng/bên bảo đảm/bên thứ ba trả nợ

6: Chuyển một phần nợ thành vốn góp, vốn cổ phần

- Cột (7): Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc còn lại trên sổ sách của VAMC sau khi VAMC bán/thu hồi khoản nợ. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (8): Mã trái phiếu đặc biệt.
- Cột (9): Mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (10): Giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (11): Mã TCTD tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.
- Cột (12): Loại hình khách hàng vay phân theo tổ chức hay cá nhân, có giá trị:

TC: Tổ chức

CN: Cá nhân

- Cột (13): Mã số thuế đối với tổ chức, Chứng minh thư/Hộ chiếu đối với cá nhân.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Biểu số 03-PL1/DBTK

BÁO CÁO CƠ CẤU LẠI KHOẢN NỢ

(Tháng..... năm.....)

STT	Thông tin về khoản nợ VAMC đã mua						Thông tin cơ cấu lại							
	Mã tổ chức bán khoản nợ	Loại hình khách hàng vay	Mã số thuế/ CMT hoặc Hộ chiếu	Mua bằng trái phiếu đặc biệt		Giá mua khoản nợ theo giá trị thị trường	Kỳ hạn		Thời hạn		Lãi suất		Số tiền lãi miễn giảm	Số tiền phí miễn giảm
				Mã trái phiếu	Mệnh giá		Kỳ hạn cũ	Kỳ hạn mới	Thời hạn cũ	Thời hạn mới	Lãi suất cũ	Lãi suất mới		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Mã tổ chức bán khoản nợ là mã tổ chức tín dụng tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.
- Cột (3): Loại hình khách hàng vay phân theo tổ chức hay cá nhân, có giá trị:

TC: Tổ chức

CN: Cá nhân

- Cột (4): Mã số thuế đối với tổ chức, Chứng minh thư/Hộ chiếu đối với cá nhân.
- Cột (5): Mã trái phiếu đặc biệt.
- Cột (6): Mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (7): Giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (8), (9): Kỳ hạn cũ và kỳ hạn mới của khoản nợ được cơ cấu lại. Đơn vị tính: Kỳ (ví dụ: kỳ hạn cũ: 10 kỳ, kỳ hạn mới: 5 kỳ).
- Cột (10), (11): Thời hạn cũ và thời hạn mới của khoản nợ được cơ cấu lại. Đơn vị tính: Ngày.
- Cột (12), (13): Lãi suất cũ và lãi suất mới của khoản nợ được cơ cấu lại. Đơn vị tính: Phần trăm/năm (%/năm). (Lãi suất cũ là lãi suất tại Cột (12) của Biểu số 01-A/DBTK).
- Cột (14): Thống kê số dư tiền lãi được miễn giảm đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (15): Thống kê số dư tiền phí được miễn giảm đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Biểu số 04-PL1/DBTK

BÁO CÁO HỖ TRỢ TÀI CHÍNH KHÁCH HÀNG VAY

(Tháng..... năm.....)

STT	Thông tin về khoản nợ VAMC đã mua						Thông tin hỗ trợ tài chính					
	Mã tổ chức bán khoản nợ	Loại hình khách hàng vay	Mã số thuế/CMT hoặc Hộ chiếu	Mua bằng Trái phiếu đặc biệt		Giá mua khoản nợ theo giá trị thị trường	Bảo lãnh		Đầu tư, cung cấp tài chính		Hình thức khác	
				Mã trái phiếu	Mệnh giá		Giá trị	Tổ chức tín dụng cho vay	Cho vay	Mua trái phiếu	Giá trị	Tên hình thức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Mã tổ chức bán khoản nợ là mã tổ chức tín dụng tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.

- Cột (3): Loại hình khách hàng vay phân theo tổ chức hay cá nhân, có giá trị:

TC: Tổ chức

CN: Cá nhân

- Cột (4): Mã số thuế đối với tổ chức, Chứng minh thư/Hộ chiếu đối với cá nhân.
- Cột (5): Mã trái phiếu đặc biệt.
- Cột (6): Mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (7): Giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (8): Thống kê số dư giá trị VAMC nhận bảo lãnh cho khách hàng vay vay tổ chức tín dụng đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (9): Tổ chức tín dụng cho vay: Mã TCTD tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.
- Cột (10): Thống kê số dư giá trị VAMC cho khách hàng vay vay đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (11): Thống kê số dư giá trị VAMC mua trái phiếu do khách hàng vay phát hành đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính Triệu đồng.
- Cột (12): Thống kê số dư giá trị VAMC hỗ trợ khách hàng vay bằng hình thức khác đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (13): Tên hình thức hỗ trợ tài chính khác.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Biểu số 05-PL1/DBTK

BÁO CÁO GÓP VỐN ĐIỀU LỆ, MUA CỔ PHẦN

(Tháng..... năm.....)

STT	Thông tin về khoản nợ VAMC đã mua					Thông tin góp vốn điều lệ, vốn cổ phần					
	Mã tổ chức bán khoản nợ	Mã số thuế	Mua bằng Trái phiếu đặc biệt		Giá mua khoản nợ theo giá trị thị trường	Số dư khoản nợ của khách hàng vay được hạch toán ngoại bảng tại VAMC	Phần giá trị khoản nợ được chuyển thành vốn góp	Giá trị góp vốn điều lệ, mua cổ phần tại khách hàng vay bằng tài sản, nguồn vốn hợp pháp của VAMC	Tỷ lệ vốn góp của VAMC		Vốn điều lệ của khách hàng vay
			Mã trái phiếu	Mệnh giá					Đối với việc chuyển khoản nợ thành vốn góp	Đối với việc sử dụng tài sản, nguồn vốn hợp pháp để góp vốn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Mã tổ chức bán khoản nợ là mã tổ chức tín dụng tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.
- Cột (3): Mã số thuế của khách hàng vay là doanh nghiệp.
- Cột (4): Mã trái phiếu đặc biệt.
- Cột (5): Mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (6): Giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (7): Số dư khoản nợ của khách hàng vay được hạch toán ngoại bảng tại VAMC tính đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (8): Số dư phần giá trị khoản nợ của khách hàng vay hạch toán ngoại bảng tại VAMC được VAMC chuyển thành vốn góp tính đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (9): Số dư giá trị VAMC góp vốn điều lệ, mua cổ phần tại khách hàng vay bằng tài sản (không bao gồm khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt), nguồn vốn hợp pháp của VAMC. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (10): Tỷ lệ vốn góp của VAMC đối với việc chuyển khoản nợ xấu thành vốn góp tính trên vốn điều lệ của khách hàng vay sau khi được VAMC góp vốn. Đơn vị tính: Phần trăm (%).
- Cột (11): Tỷ lệ vốn góp của VAMC đối với việc sử dụng tài sản, nguồn vốn hợp pháp để góp vốn tính trên vốn điều lệ của khách hàng vay sau khi được VAMC góp vốn. Đơn vị tính: Phần trăm (%).
- Cột (12): Vốn điều lệ của khách hàng vay sau khi được VAMC góp vốn. Đơn vị tính: Triệu đồng.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Biểu số 06-PL1/DBTK

BÁO CÁO THANH TOÁN TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT

(Tháng..... năm.....)

STT	Thông tin về khoản nợ VAMC đã mua					Các trường hợp thanh toán TPĐB	Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc khoản nợ xấu TCTD mua lại của VAMC	Giá trị khoản vốn góp, vốn cổ phần TCTD mua lại từ VAMC	Số tiền thu hồi của khoản nợ	Số tiền thu hồi của khoản nợ TCTD được hưởng	Số tiền thu hồi của khoản nợ VAMC được hưởng
	Mã tổ chức bán khoản nợ	Mua bằng Trái phiếu đặc biệt									
		Mã trái phiếu	Mệnh giá	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Mã tổ chức bán khoản nợ là mã tổ chức tín dụng tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.
- Cột (3): Mã trái phiếu đặc biệt.
- Cột (4): Mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: Triệu đồng.
- Cột (5): Ngày phát hành trái phiếu đặc biệt.

- Cột (6): Ngày đáo hạn trái phiếu đặc biệt.
- Cột (7): Các trường hợp thanh toán TPĐB, có giá trị:

1: Trường hợp số tiền dự phòng rủi ro TCTD đã trích lập cho TPĐB không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC.

2: Trường hợp khoản nợ xấu được thu hồi đầy đủ (bao gồm cả trường hợp toàn bộ khoản nợ xấu đã được bán cho tổ chức, cá nhân).

3: Trường hợp khoản nợ xấu được chuyển toàn bộ thành vốn cổ phần, vốn điều lệ của khách hàng vay là doanh nghiệp.

4: Trường hợp trái phiếu đặc biệt đáo hạn.

5: Trường hợp VAMC đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mua, bán khoản nợ.

- Cột (8): là giá trị ghi sổ số dư nợ gốc đang theo dõi trên sổ sách của VAMC tại thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: triệu đồng.
- Cột (9): là số dư phần giá trị khoản nợ của khách hàng vay tại VAMC được VAMC chuyển thành vốn góp mà VAMC đang nắm tại thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: triệu đồng.
- Cột (10): Thống kê số dư số tiền thu hồi của khoản nợ đến thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: triệu đồng.
- Cột (11): Thống kê số dư số tiền của khoản nợ TCTD được hưởng đến thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: triệu đồng.
- Cột (12): Thống kê số dư số tiền của khoản nợ VAMC được hưởng đến thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt. Đơn vị tính: triệu đồng.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Biểu số 07-PL1/DBTK

BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO ĐỐI VỚI KHOẢN NỢ XẤU MUA THEO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG

(Tháng..... năm.....)

STT	Thông tin về khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường				Thông tin về trích lập dự phòng rủi ro		
	Mã tổ chức bán khoản nợ	Loại hình khách hàng vay	Mã số thuế/CMT hoặc Hộ chiếu	Giá mua khoản nợ theo giá trị thị trường	Nhóm nợ	Dự phòng rủi ro đã trích lập	Tỷ lệ dự phòng rủi ro đã trích lập
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Báo cáo điện tử.

4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (2): Mã tổ chức bán khoản nợ là mã tổ chức tín dụng tuân theo quy định chuẩn của NHNN theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 về Quy định mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.
- Cột (3): Loại hình khách hàng vay phân theo tổ chức hay cá nhân, có giá trị:

TC: Tổ chức

CN: Cá nhân

- Cột (4): Mã số thuế đối với tổ chức, Chứng minh thư/Hộ chiếu đối với cá nhân.
- Cột (5): Giá mua bán khoản nợ theo giá trị thị trường. Đơn vị tính: triệu đồng.
- Cột (6): Nhóm nợ của số tiền đã thanh toán để mua khoản nợ xấu theo giá trị thị trường (VAMC phân loại số tiền đã thanh toán để mua khoản nợ xấu vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm nợ mà khoản nợ xấu đó đã được phân loại tại tổ chức tín dụng bán nợ ở thời điểm mua khoản nợ xấu). Có giá trị:

Nhóm 3: 3

Nhóm 4: 4

Nhóm 5: 5

- Cột (7): Thống kê số dư dự phòng rủi ro đã trích lập cho số tiền đã thanh toán để mua khoản nợ xấu theo giá trị thị trường đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: triệu đồng.
- Cột (8): Tỷ lệ dự phòng rủi ro đã trích lập cho số tiền đã thanh toán để mua khoản nợ xấu theo giá trị thị trường đến đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. Đơn vị tính: phần trăm (%).

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN THỐNG KÊ DO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM CÔNG KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2014)

Tên biểu	Ký hiệu biểu báo cáo và đơn vị công bố	Kỳ công bố
1. Mua nợ xấu từ tổ chức tín dụng	Biểu số 01-PL2/VAMC	Quý
2. Bán nợ xấu và xử lý tài sản đảm bảo	Biểu số 02-PL2/VAMC	Quý

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam **Biểu số 01-PL2/VAMC**

MUA NỢ XẤU TỪ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

(Quý..... năm.....)

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	GIÁ MUA	SỐ LƯỢNG TCTD BÁN NỢ XẤU
(1)	(2)	(3)
1. Bằng trái phiếu đặc biệt 2. Theo giá thị trường **Tổng số** (=1+2)		

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

2. Thời hạn công khai báo cáo: Công khai hàng quý chậm nhất vào ngày 25 của tháng đầu của quý kế tiếp.

3. Hướng dẫn lập biểu:

- Chỉ tiêu 1: Thống kê giá trị mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt mà VAMC phát hành để mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng.

- Chỉ tiêu 2: Thống kê số tiền VAMC mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá thị trường.

- Cột (3): Thống kê số lượng tổ chức tín dụng (TCTD) bán nợ xấu và tài sản bảo đảm.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam **Biểu số 02-PL2/VAMC**

BÁN NỢ XẤU VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

(Quý..... năm.....)

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
(1)	(2)
1. Bán nợ xấu 2. Xử lý tài sản bảo đảm 3. Các hình thức xử lý tài sản bảo đảm khác **Tổng số** (=1+2+3)	

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

1. Đối tượng áp dụng: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

2. Thời hạn công khai báo cáo: Công khai hàng quý chậm nhất vào ngày 25 của tháng đầu của quý kế tiếp.

3. Hướng dẫn lập biểu:

- Chỉ tiêu 1: Thống kê số tiền thực tế thu được từ việc VAMC bán khoản nợ xấu mà VAMC đã mua của TCTD.

- Chỉ tiêu 2: Thống kê số tiền thực tế thu được từ việc VAMC bán tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu mà VAMC đã mua của TCTD.

- Chỉ tiêu 3: Thống kê số tiền thực tế thu được từ việc VAMC xử lý tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu mà VAMC đã mua của TCTD theo các hình thức khác.